GrammarTrack

SƠ CẤP PHIẾU BÀI TẬP PDF

Bài tập thì hiện tại đơn có đáp án



có đáp án

Thì Present Simple (hiện tại đơn): công thức ngắn, dấu hiệu nhận biết và năm bài tập với 28 câu, đáp án ở trang cuối. Trình độ A2.

HỌ TÊN

NGÀY

QUY TẮC

Công thức thì hiện tại đơn

	Động từ to be	Động từ thường
Khẳng định	I am / he is / they are	I work / he works
Phủ định	am not / isn't / aren't	don't work / doesn't work
Câu hỏi	Am I? / Is he? / Are they?	Do you work? / Does he work?

He, she, it: thêm **-s/-es** (works, watches, goes, studies, has). Sau **do, does, don't, doesn't**: động từ nguyên mẫu.

QUY TẮC

Dấu hiệu nhận biết

- **always, usually, often, sometimes, rarely, never**: đứng trước động từ thường, sau to be
- **every** day / week, **once** a week, **twice** a month, **on** Mondays

1 Bài 1. Chia động từ trong ngoặc

Viết động từ trong ngoặc ở thì hiện tại đơn.

1 Mai _____ (live) near the school.

2 We _____ (not / have) classes on Saturdays.

3 _____ (he / speak) Japanese?

4 The shop _____ (close) at 9 p.m. every day.

5 My cat _____ (sleep) on the sofa every afternoon.

6 My parents _____ (be) teachers.

7 He _____ (fix) computers for a living.

8 How often _____ (you / go) to the cinema?

2 Bài 2. Chọn đáp án đúng

Khoanh tròn đáp án đúng.

1 _____ your sister a student? a) Is b) Does c) Do

2 _____ they live in Hue? a) Are b) Do c) Does

3 I _____ very tired today. a) am b) do c) is

4 _____ Nam play badminton after school? a) Is b) Do c) Does

5 My friends _____ not at home. a) are b) do c) don't

6 She _____ want to go out tonight. a) isn't b) doesn't c) don't

3 Bài 3. Viết câu phủ định và câu hỏi

Viết lại câu theo yêu cầu trong ngoặc.

1 She plays the piano. (phủ định)

2 They are from Korea. (câu hỏi)

3 Tom watches the news every evening. (câu hỏi)

4 I am hungry. (phủ định)

5 The bus stops here. (câu hỏi với Where)

4 Bài 4. Đặt trạng từ vào đúng chỗ

Viết lại câu, thêm trạng từ trong ngoặc vào giữa câu, đúng vị trí.

1 She is late for class. (never)

2 We eat out on Fridays. (usually)

3 Do you walk to school? (often)

4 Is she late for school? (ever)

5 Bài 5. Tìm và sửa lỗi sai

Mỗi câu có một lỗi. Viết lại câu đúng.

1 My brother don't like football.

2 **Does she lives near here?**

3 **I am go to school by bike.**

4 **The children plays in the park every afternoon.**

5 **Where do she live?**

QUÉT MÃ ĐỂ TẢI ỨNG DỤNG

Luyện tập trong ứng dụng GrammarTrack

Nhiệm vụ hằng ngày, XP và chuỗi ngày học – có âm thanh và chấm điểm ngay.

Tải về trên App Store

Tải nội dung trên Google Play

Hoặc luyện tập trên website: grammartrack.com/vi/courses/topics/present-simple

Đáp án

Bài tập thì hiện tại đơn có đáp án

1

1 lives | 2 don't have (do not have) | 3 Does he speak | 4 closes | 5 sleeps | 6 are | 7 fixes | 8 do you go

2

1 a) Is | 2 b) Do | 3 a) am | 4 c) Does | 5 a) are | 6 b) doesn't

3

1. She doesn't play the piano. / She does not play the piano.
2. Are they from Korea?
3. Does Tom watch the news every evening?
4. I'm not hungry. / I am not hungry.
5. Where does the bus stop?

4

1. She is never late for class.
2. We usually eat out on Fridays.
3. Do you often walk to school?
4. Is she ever late for school?

5

1. My brother doesn't like football.
2. Does she live near here?
3. I go to school by bike.
4. The children play in the park every afternoon.
5. Where does she live?